

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2026

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Đức Hưởng;

2. Ông Trần Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đại Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2026/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2026 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị M1, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp Đ, xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 04/3/2026 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị M1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009; có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh nay là xã T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, không hợp tính tình thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2026 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu được ly hôn với chị M1.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 25/5/2011. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị M1 nuôi dưỡng, do anh từng bị tai nạn hiện sức khỏe yếu và thu nhập từ việc lái máy cày bắp bênh nên anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp, chị M1 không nuôi được thì giao cháu Tuấn A lại cho anh nuôi dưỡng; trường hợp buộc anh phải cấp dưỡng thì do hoàn cảnh khó khăn anh chỉ đồng ý mức cấp dưỡng 500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn chị Nguyễn Thị M1 trình bày:**

Chị thống nhất với lời trình bày của anh M về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau; vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2026 cho đến nay. Nay anh M yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 01 người như anh M trình bày. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con chung và do hoàn cảnh khó khăn phải đi làm thuê, chuyển ra ngoài ở trọ nên chị yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Công nhận anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị M1 thuận tình ly hôn,

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 25/5/2011 cho chị M1 tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chấp nhận yêu cầu của chị M1, buộc anh M cấp dưỡng nuôi cháu Tuấn A hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 06/2026 cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi.

Ghi nhận đương sự trình bày tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Án phí đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân:

[1.1] Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị M1 chung sống với nhau từ năm 2010 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh nay là xã T, tỉnh Tây Ninh đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh M và chị M1 đều thống nhất trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, không hợp tính tình thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2026 cho đến nay nên anh M yêu cầu ly hôn với chị M1 và chị M1 cũng đồng ý ly hôn.

Do đó, đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên công nhận anh chị thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Có 01 người tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 25/5/2011; hiện cháu Tuấn A đang sống cùng với chị M1 và có nguyện vọng sống cùng với chị M1.

Sau khi ly hôn, chị M1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 06/2026 cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, anh M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh M và chị M1 trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh M, chị M1 mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; anh M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị M1 đều yêu cầu thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 25/5/2011. Giao cháu Tuấn A cho chị M1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Buộc anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 06/2026 cho đến khi cháu Tuấn A đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải

thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, anh M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị M1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn M phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng anh M đã nộp theo biên lai số 0004648 ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, anh M phải nộp thêm 75.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị M1 phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Tân Đông;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Ngọc Lan